

Số: 05/2023/QĐST-DS

*Tam Nông, ngày 13 tháng 02 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 353/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:**

- *Nguyên đơn:*

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1975

2. Trần Anh T, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: khóm V, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Ngọc, ông T:

Công ty Luật TNHH Một Thành Viên Vạn T

Người đại diện theo pháp luật ông Trương Hồng T, chức vụ: Giám đốc Công ty Luật TNHH Một Thành Viên Vạn T.

Địa chỉ: Số K, đường L, khu phố Y, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Công ty Luật TNHH Một Thành Viên Vạn T uỷ quyền lại cho ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1996; địa chỉ: Số K, đường L, khu phố Y, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy uỷ quyền ngày 19/10/2022).

3. Lâm Tâm N, sinh năm 2000

4. Trần Nguyên Đ, sinh năm 1999

5. Phan Thị H, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: khóm V, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1. Võ Thị Minh K, sinh năm 1979

2. Lê Thanh T, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp  
(Bà Võ Thị Minh K và ông Lê Thanh T cùng ủy quyền ông Nguyễn Tý H, sinh năm 1990, địa chỉ: Số Y, quốc lộ U, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/12/2022).

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Bà Võ Thị Minh K và ông Lê Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N và ông Trần Anh T số tiền nợ gốc là 1.830.000.000đ (Một tỷ, tám trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 64.976.000đ (Sáu mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi: 1.894.976.000đ (Một tỷ, tám trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Võ Thị Minh K và ông Lê Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phan Thị H, bà Lâm Tâm N và ông Trần Nguyên Đ số tiền nợ gốc là 7.500.000.000đ (Bảy tỷ, năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 256.200.000đ (Hai trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng gốc và lãi: 7.756.200.000đ (Bảy tỷ, bảy trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Anh T không phải chịu án phí, được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.436.000đ (Ba mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00012866 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Phan Thị H, bà Lâm Tâm N và ông Trần Nguyên Đ không phải chịu án phí, được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.813.000đ (Năm mươi bảy triệu, tám trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 00012867 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Võ Thị Minh K và ông Lê Thanh T tự nguyện liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 58.825.000đ (Năm mươi tám triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b**

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Hứa Quang Thông**